



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



SILIPIDA

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Để xa tầm tay trẻ em

Thành phần công thức thuốc

Thành phần hoạt chất:

Mỗi viên nang cứng chứa:

Silymarin	150 mg
(dạng Powdered Milk Thistle Extract (<i>Silybum marianum</i> (L.) Gaertn.))	
Thiamine hydrochloride (Vitamin B1)	10 mg
Riboflavin (Vitamin B2)	4 mg
Niacinamide (Vitamin PP)	10 mg
Calcium pantothenate (Vitamin B5)	4 mg
Pyridoxine hydrochloride (Vitamin B6)	10 mg

Thành phần tá dược:

Methylparaben, Propylparaben, Colloidal Silicon Dioxide, Polyvinyl pyrrolidone K30, Magnesi stearate, vỏ nang số 0 màu nâu (Gelatin, Sodium lauryl sulfate, Titanium dioxide, FD&C Red No.40, FD&C Blue No.1, Quinoline Yellow)

Dạng bào chế

Viên nang cứng

Viên nang cứng màu nâu, bên trong chứa cốm thuốc màu nâu vàng đến nâu

Chỉ định

Hỗ trợ trong giai đoạn hồi phục sau những tổn thương gan do độc tố chuyển hóa, gây ra bởi các yếu tố độc hại (ví dụ: rượu, hóa chất bảo vệ thực vật). Ngoài ra, thuốc còn hỗ trợ trong trường hợp khó tiêu (chướng bụng, ợ hơi) sau khi ăn những thực phẩm khó tiêu.

Giảm bớt các khó chịu phát sinh sau khi trải qua các bệnh gan cấp tính và mạn tính.

Cách dùng, liều dùng

Liều dùng

Người lớn và thanh thiếu niên trên 12 tuổi:

1 viên/lần x 2 lần/ngày, trừ khi bác sĩ có chỉ định khác.

Cách dùng và thời gian điều trị

Uống sau bữa ăn.

Thuốc yêu cầu sử dụng đều đặn trong khoảng 2-4 tuần. Nếu các triệu chứng xấu đi hoặc không được cải thiện, hãy tham khảo ý kiến bác sỹ, người có thể kéo dài thời gian điều trị, ví dụ như 6 tháng.

Chống chỉ định

Bệnh nhân mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc và/ hoặc các cây khác thuộc họ Cúc Asteraceae (trước đây là Compositae)

Cảnh báo và thận trọng khi sử dụng thuốc

Thuốc không được khuyến cáo để điều trị ngộ độc cấp tính.

Chưa có nghiên cứu nào về việc sử dụng silymarin ở trẻ em, do đó khuyến cáo không sử dụng thuốc cho trẻ em dưới 12 tuổi.

Cảnh báo tá dược

Thuốc này có chứa lactose. Bệnh nhân có vấn đề di truyền hiếm gặp về không dung nạp galactose, thiếu hụt men lactase, kém hấp thu glucose-galactose không nên dùng thuốc này.

Thuốc này có chứa methyl paraben và propyl paraben, có thể gây ra các phản ứng dị ứng (có thể xảy ra chậm).

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

Do thiếu dữ liệu về tính an toàn, không nên sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú.

Ảnh hưởng của thuốc đến khả năng lái xe, vận hành máy móc

Thuốc không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

Tương tác, tương kỵ của thuốc

Tương tác:

Cho đến nay, chưa có tương tác với các loại thuốc khác nào được báo cáo.

Tương kỵ:

Không có

Tác dụng không mong muốn của thuốc

Tác dụng nhuận tràng nhẹ và các rối loạn tiêu hóa nhẹ thoáng qua có thể xảy ra trong quá trình sử dụng. Tần suất của các triệu chứng này chưa được xác định.

Báo cáo tác dụng phụ của thuốc

Việc báo cáo các tác dụng không mong muốn sau khi thuốc được lưu hành là rất quan trọng. Nó cho phép tiếp tục theo dõi đánh giá lợi ích/ rủi ro của thuốc. Các chuyên gia chăm sóc sức khỏe được yêu cầu báo cáo bất kỳ tác dụng không mong muốn nào tới:



Trung tâm DI &ADR Quốc gia

13 - 15 Lê Thánh Tông, Hà Nội

Website: www.canhgiacduoc.org.vn

Quá liều và cách xử trí

Chưa rõ các triệu chứng của quá liều.

Đặc tính dược lực học

Nhóm dược lý: Thuốc chữa bệnh gan

Mã ATC: A05BA03

Tuy chưa được nghiên cứu đầy đủ. Nhưng người ta tin rằng các flavonolignans có trong dịch chiết có tác dụng bảo vệ tế bào gan bằng cách làm ổn định màng tế bào, ngăn cản sự xâm nhập của các chất độc hại vào trong tế bào gan.

Đặc tính dược động học

Các nghiên cứu dược động học chưa được thực hiện.

Dữ liệu an toàn tiền lâm sàng

Chưa có dữ liệu

Quy cách đóng gói

Hộp 2, 5, 10 vi x 10 viên (vi Nhôm-PVC đựng trong túi nhôm)

Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc

Bảo quản

Nơi khô ráo, tránh ánh sáng trực tiếp, nhiệt độ không quá 30°C.

Hạn dùng

36 tháng

Tiêu chuẩn chất lượng

NSX

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc

CÔNG TY CP DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 102, phố Chi Lăng, P. Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

